

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo : 10/10/2012

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11,832,452,311	4,072,677,112	7,759,775,199
1.1	Tiền gửi không kì hạn	11,832,452,311	4,072,677,112	7,759,775,199
1.2	Tiền gửi có kì hạn	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	128,035,159,290	138,818,851,500	(10,783,692,210)
2.1	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
2.2	Trái phiếu Công ty	-	-	-
2.3	Cổ phiếu	128,035,149,000	138,818,851,500	(10,783,702,500)
2.3.1	Cổ phiếu niêm yết	128,035,149,000	138,818,851,500	(10,783,702,500)
2.3.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
2.4	Quyền mua	10,290	-	10,290
I. 3	Cổ tức được nhận	183,429,500	361,228,400	(177,798,900)
I. 4	Trái tức được nhận	-	-	-
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	5,119,708,900	(5,119,708,900)
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Lãi tiền gửi được nhận	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	140,051,041,101	148,372,465,912	(8,321,424,811)
STT	Nợ			
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	1,400,097,000	(1,400,097,000)
II. 2	Phí quản lý phải trả	232,973,857	244,628,112	(11,654,255)
II. 3	Phí giám sát và lưu ký phải trả	20,000,000	20,000,000	-
II. 4	Các khoản phải trả khác	266,726,790	195,501,970	71,224,820
	Chi phí hợp phải trả	104,002,978	75,992,420	28,010,558
	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư phải trả	-	-	-
	Chi phí kiểm toán	162,723,812	119,509,550	43,214,262
	Chi phí giá OTC	-	-	-
II. 5	TỔNG NỢ	519,700,647	1,860,227,082	(1,340,526,435)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 5)	139,531,340,454	146,512,238,830	(6,980,898,376)
III.2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.37%	1.27%	-0.90%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ	21,409,530	21,409,530	-
III.4	Giá trị của một Đơn vị Quỹ	6,517	6,843	(326)



MVAM_BC_Quy_III_CacBaoCaoQuyMAFPF1.xlsx

Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Quý III/2012

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 10/10/2012

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	146,512,238,830	146,413,623,152
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(6,980,898,376)	98,615,678
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(6,980,898,376)	98,615,678
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ	139,531,340,454	146,512,238,830
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	6,517	6,843



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Quý III/2012

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo : 10/10/2012

STT	Chi tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	(2,184,434,550)	(934,704,200)	3,850,432,897	6,691,545,751
1	Cổ tức được nhận	11	1,491,628,100	5,089,597,190	1,842,359,400	4,112,651,500
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	-	-	5,288,329	35,200,438
3	Lãi tiền gửi	13	-	118,069,751	204,983,820	325,048,981
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	(3,676,062,650)	(6,142,371,141)	1,797,801,348	2,218,644,832
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	921,871,637	2,848,538,696	919,722,879	2,864,348,801
1	Phí Quản lý Quỹ	31	709,379,684	2,160,188,058	675,429,028	2,096,508,379
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	66,823,133	200,381,922	65,641,719	194,879,864
3	Chi phí họp, đại hội	33	28,010,558	83,422,766	28,666,197	85,063,806
4	Chi phí Kiểm toán	34	43,214,262	185,159,812	55,147,560	197,768,009
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	35	-	-	-	-
6	Các loại phí khác	38	74,444,000	219,386,138	94,838,375	290,128,743
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	(3,106,306,187)	(3,783,242,896)	2,930,710,018	3,827,196,950
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	-	38,244,048,937	6,748,371,350	25,528,320,372
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư	61	-	38,244,048,937	6,748,371,350	25,528,320,372
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	3,874,592,189	13,222,055,880	7,128,789,313	40,635,987,385
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	3,874,592,189	13,222,055,880	7,128,789,313	40,635,987,385
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	(3,874,592,189)	25,021,993,057	(380,417,963)	(15,107,667,013)



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty quản lý quỹ
KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản Lý Quỹ
Ngô Thị Bạch Minh
Luân

Tổng Giám Đốc
Nguyễn Vũ Ngọc
Trình

